**TRƯỜNG THCS GIAO PHONG**

**BẢNG MÔ TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA KỲ 1 ANH 8**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kỹ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | ***Tổng Số CH*** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** |
| I. | **LISTENING** | 1. Nghe một đoạn hội  thoại khoảng  1.5-3.00 phút (khoảng 80 – 100 từ) về chủ đề:  **Listen to the Festival.”. (5 câu)** | **Nhận biết:**  Nghe lấy thông tin chi tiết. | 5 |  |  |  |  |  |  |  | 5 |  |
| **Thông hiểu:**  Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**   * Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp. * Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2. Nghe một đoạn độc thoại khoảng  1.5-3.00 phút (khoảng 80 – 100 từ) liên quan đến chủ đề **Listen to the about Alaska.** | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết. |  | 4 |  |  |  |  |  |  |  | 4 |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời  đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**   * Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp. * Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| II. | **LANGUAGE** | **Pronunciation (2 câu)**  **/k/**  **/- ed/** | **Nhận biết:**  Nhận biết các âm thông qua các từ vựng theo chủ đề đã học. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  Phân biệt được các âm trong phần nghe. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  Hiểu và vận dụng vào bài nghe/nói. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vocabulary (3 câu)**  Từ vựng đã học theo chủ đề.  ***Leisure time, ethnic groups of Viet Nam, our customes and traditions, lifestyles*** | **Nhận biết:**  Nhận ra, nhớ lại, liệt kê được các từ vựng theo chủ đề đã học. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**   * Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ đề đã học. * Nắm được các mối liên kết và kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng. |  |  | **1** |  |  |  |  |  | **1** |  |
| **Vận dụng:**  - Hiểu và vận dụng được từ vựng đã học trong văn cảnh (danh từ, động  từ, tính từ và trạng từ…) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Grammar (4 câu)**  Các chủ điểm ngữ pháp:  - ***present simple,***   * ***simple sentences, compound sentences*** * ***Past continous*** * ***articles*** * ***future tense*** * ***conditional type 1*** | **Nhận biết:**  Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  Hiểu và phân biệt các chủ điểm ngữ pháp đã học. | 3 | 2 |  | 1 |  |  |  |  | 3 | 3 |
| **Vận dụng:**  - Vận dụng những điểm ngữ pháp đã học vào bài viết/ nói/ nghe/ đọc. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| III. | **READING** | **1. Cloze test (5 câu)**  Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 80-100 từ về các chủ điểm đã học.  **Invironment protectin** | **Nhận biết:**  Nhận ra được các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | **Thông hiểu:**  Phân biệt được các đặc trưng, đặc điểm các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. |  |  | 4 |  |  |  |  |  | 4 |  |
| **Vận dụng:**  Sử dụng các kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng trong các tình huống mới. |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| **2. Reading (6 câu)**  comprehension  Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 100-120 từ, xoay quanh chủ điểm **Shopping**  (tiêu đề, từ quy chiếu, từ đồng nghĩa, 1 thông tin chi tiết có trong bài) | **Nhận biết:**  Thông tin chi tiết. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  Hiểu ý chính của bài đọc. |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |
| **Vận dụng:**   * Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh. * Hiểu, phân tích, tổng hợp ý chính của bài để chọn câu trả lời phù hợp. |  |  |  |  |  | 3 |  |  |  | 3 |
| IV. | **WRITING** | **1. Sentence transformation**  Viết lại câu dùng từ gợi ý  -simple sentences  - Conditional type 1  -When,/ while  - verbs of liking  - Should | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:** |  |  |  |  |  | 5 |  |  |  | 5 |
| **2. Write a paragraph** - **Write a short paragraph (80-100 words) about the advantages or disadvantages of a type of shopping.** | **Vận dụng cao:**  Viết 1 đoạn văn có gợi ý theo chủ đề. |  |  |  |  |  |  |  | 1 bài  viết |  | 1 bài viết |
| **TỔNG** | |  |  | 14 | 7 | 4 | 2 | 1 | 8 | 0 | 1 | **19** | **15+ 1 bài viết** |